BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG **CỤC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3276 /LNKL-SDR V/v tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai chính sách thuế GTGT đối với gỗ rừng trồng	*Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2026*

Kính gửi:
- Cục Hải quan;
- Cục Thuế;
- Vụ Chính sách thuế, phí và lệ phí.

Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm được Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao xử lý kiến nghị của Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ Thành phố Hồ Chí Minh (HAWA) tại Văn bản số 183/KN-HAWA ngày 7/10/2026 về việc khẩn cấp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc hồ sơ xác định gỗ rừng trồng nhập khẩu và xử lý thuế giá trị gia tăng (GTGT) đã nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 359/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 (Nghị định số 181/2025/NĐ-CP), cụ thể như sau:

1. Nội dung kiến nghị của HAWA

HAWA đề nghị các cơ quan liên quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính hướng dẫn, xử lý về các nội dung:

- Hướng dẫn việc sử dụng tài liệu, giấy tờ để chứng minh lô gỗ nhập khẩu có nguồn gốc từ rừng trồng.

- Hướng dẫn xác định gỗ chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc qua sơ chế thông thường, đặc biệt là gỗ xẻ đã qua công đoạn sấy khô, ngâm tẩm hóa chất bảo quản.

- Hướng dẫn về các khoản thuế đã nộp nhưng không được hoàn và các khoản phí và lệ phí khác đã nộp và xử lý tiền chậm nộp, xử phạt vi phạm hành chính phát sinh khi doanh nghiệp khai bổ sung, sửa đổi tờ khai hải quan.

2. Ý kiến của Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm

Ngày 23/10/2026, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm tổ chức buổi làm việc với đại diện các cơ quan liên quan, bao gồm: Bộ Tài chính (Cục Hải quan; Cục Thuế, Vụ Chính sách thuế, phí và lệ phí), Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam, một số Hiệp hội gỗ địa phương (Đồng Nai, Gia Lai, Thành phố Hồ Chí Minh tham dự trực tuyến) và đại diện một số doanh nghiệp (tham dự trực tiếp và trực tuyến) về việc thống nhất giải pháp, hướng dẫn việc thực hiện chính sách thuế GTGT đối với gỗ khai thác từ rừng chưa chế biến thành sản phẩm khác, gỗ sơ chế thông thường nhập khẩu có nguồn gốc từ rừng trồng. Căn cứ quy định pháp luật hiện hành và nội dung thống nhất tại buổi làm việc nêu trên, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm có ý kiến đối với các đề nghị của HAWA như sau:

a) Đối với đề nghị hướng dẫn xác định gỗ nhập khẩu có nguồn gốc từ rừng trồng

Hồ sơ gỗ nhập khẩu được quy định tại Điều 7 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 120/2024/NĐ-CP và Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sau đây gọi chung là Nghị định số 102/2020/NĐ-CP), theo đó ngoài bộ hồ sơ hải quan theo quy định của pháp luật về Hải quan, chủ gỗ nhập khẩu phải xuất trình cho cơ quan Hải quan: Bảng kê gỗ nhập khẩu theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 120/2024/NĐ-CP (sau đây gọi là Mẫu số 01) và bản sao giấy phép CITES xuất khẩu, giấy phép CITES nhập khẩu đối với gỗ thuộc Phụ lục CITES hoặc bản sao giấy phép FLEGT đối với gỗ nhập khẩu từ quốc gia, vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định gỗ hợp pháp với EU và đang vận hành hệ thống cấp phép FLEGT.

Đối với gỗ nguyên liệu thuộc loài rủi ro hoặc gỗ từ vùng địa lý không tích cực, chủ gỗ phải kê khai và xuất trình một trong các tài liệu về truy xuất nguồn gốc hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Mục C và Mục D của Mẫu số 01, như: Chứng chỉ quản lý rừng bền vững được công nhận, giấy phép khai thác hoặc tài liệu chứng minh được phép khai thác gỗ, tài liệu bổ sung để chứng minh gỗ có nguồn gốc hợp pháp đối với trường hợp quốc gia, vùng lãnh thổ nơi khai thác gỗ không quy định giấy phép khai thác; đối với gỗ nguyên liệu không thuộc loài rủi ro và gỗ từ vùng địa lý tích cực, chủ gỗ kê khai theo khoản 1 Mục D của Mẫu số 01.

Như vậy, việc kê khai, cung cấp hồ sơ, tài liệu về nguồn gốc gỗ thuộc trách nhiệm của chủ gỗ; chủ gỗ chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai và nguồn gốc gỗ hợp pháp. Trường hợp hồ sơ, tài liệu quy định tại Điều 7 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP và Mẫu số 01 có thông tin xác định lô hàng gỗ nhập khẩu có nguồn gốc từ rừng trồng, người nhập khẩu được sử dụng các tài liệu này để kê khai, giải trình và chứng minh gỗ nhập khẩu có nguồn gốc từ rừng trồng được khai thác hợp pháp theo quy định của pháp luật quốc gia đó; đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung kê khai và tài liệu cung cấp.

Để giải quyết những khó khăn, vướng mắc nêu trên, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đã phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm; lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học để trình Chính phủ xem xét, ban hành. Trong đó, có sửa đổi, bổ sung Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 120/2024/NĐ-CP theo hướng quy định cụ thể về hồ sơ, tài liệu chứng minh nguồn gốc đối với gỗ nhập khẩu từ rừng trồng; người nhập khẩu phải kê khai và cung cấp một trong các tài liệu thuộc hồ sơ lô hàng gỗ nhập khẩu, có thông tin xác định lô hàng gỗ có nguồn gốc từ rừng trồng và được lập hoặc cấp theo quy định của quốc gia nơi khai thác hoặc quốc gia xuất khẩu, gồm: Giấy phép xuất khẩu; Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa; Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật; hồ sơ gỗ rừng trồng (Giấy phép khai thác hoặc Phương án khai thác hoặc Kế hoạch quản lý rừng hoặc Chứng chỉ quản lý rừng bền vững hoặc Giấy chứng nhận vùng trồng hoặc hồ sơ chứng minh quyền sở hữu đất/quyền sử dụng đất hoặc hồ sơ sở hữu rừng trồng hợp pháp theo

quy định của quốc gia nơi khai thác) hoặc tài liệu khác do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia nơi khai thác hoặc quốc gia xuất khẩu cấp để chứng minh gỗ rừng trồng được khai thác hợp pháp theo quy định của pháp luật quốc gia đó.

b) Đối với đề nghị hướng dẫn xác định gỗ khai thác từ rừng trồng chưa chế biến thành sản phẩm khác, gỗ sơ chế thông thường, đặc biệt là gỗ xẻ đã qua công đoạn sấy, ngâm tẩm hóa chất bảo quản.

- Theo quy đinh tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP quy định đối tượng không chịu thuế như sau:

"1. *Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu. Trong đó, các sản phẩm chỉ qua sơ chế thông thường là các sản phẩm mới được làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, xay xát, xay vỡ mảnh, nghiền vỡ mảnh, xay bỏ vỏ, xát bỏ vỏ, tách hạt, tách cọng, cắt, xay, đánh bóng hạt, hồ hạt, chia tách ra từng phần, bỏ xương, băm, lột da, nghiền, cán mỏng, ướp muối, đóng hộp kín khí, bảo quản lạnh (ướp lạnh, đông lạnh), bảo quản bằng khí sunfuro, bảo quản theo phương thức cho hóa chất để tránh thối rữa, ngâm trong dung dịch lưu huỳnh hoặc ngâm trong dung dịch bảo quản khác và các hình thức bảo quản thông thường khác.*

Trường hợp không xác định được thì Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm căn cứ vào quy trình sản xuất sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt do người nộp thuế cung cấp để xác định là sản phẩm chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu theo quy định của pháp luật."

- Để xác định gỗ sơ chế thông thường theo quy định nêu trên, Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm (Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT), trong đó, điểm c khoản 1 Điều 20 quy định về gỗ sơ chế thông thường như sau: "*Gỗ sơ chế thông thường là gỗ sau khai thác, được xử lý qua các công đoạn chế biến ban đầu (cắt, cưa, xẻ, chẻ, bóc ván hoặc lạng ván, băm, nghiền) nhưng chưa làm thay đổi bản chất gỗ, nhằm tạo nguyên liệu hoặc bán thành phẩm phục vụ cho các công đoạn chế biến, sản xuất sản phẩm gỗ, kinh doanh tiếp theo hoặc tạo thuận lợi cho việc vận chuyển, lưu kho, bảo quản, bao gồm: gỗ xẻ thô, gỗ đẽo hộp mà bề mặt còn thô nhám, chưa qua công đoạn bào trơn hoặc xử lý hoàn thiện; gỗ bóc hoặc gỗ lạng chưa được ép thành ván ép hoặc các loại ván công nghiệp khác; dăm gỗ (dăm mảnh, dăm nghiền) và phụ phẩm gỗ phát sinh trong quá trình chế biến như: mùn cưa, vỏ cây, đầu mẩu, bìa bắp và dăm bào*".

- Khoản 2 Điều 3 Thông tư 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản (Thông tư 26/2025/TT-BNNMT) quy định: Gỗ tròn là gỗ nguyên khai, còn nguyên hình dạng sau khai thác chưa cắt khúc hoặc đã cắt khúc, gỗ bóc vỏ.

Như vậy, theo quy định tại: Khoản 2 Điều 3 Thông tư 26/2025/TT-BNNMT và điểm c khoản 1 Điều 20 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT thì: (1) Gỗ tròn sau khai thác là gỗ chưa chế biến thành sản phẩm khác. (2) Gỗ xẻ thô, gỗ đẽo hộp mà bề mặt còn thô nhám, chưa qua công đoạn bào trơn hoặc xử lý hoàn thiện, gỗ bóc hoặc gỗ lạng chưa được ép thành ván ép hoặc các loại ván công nghiệp khác, dăm gỗ và phụ phẩm gỗ phát sinh trong quá trình chế biến được xác định là gỗ sơ chế thông thường. (3) Gỗ xẻ đã qua công đoạn sấy khô, ngâm tẩm hoá chất bảo quản chưa thuộc phạm vi quy định là gỗ sơ chế thông thường.

Hiện nay, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đang tham mưu cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 23/6/2025 quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, trong đó quy định bổ sung gỗ xẻ đã qua công đoạn sấy khô, ngâm tẩm hoá chất bảo quản là gỗ sơ chế thông thường.

3. Đối với đề nghị hướng dẫn hoàn thuế giá trị gia tăng đã nộp ở khâu nhập khẩu nhưng chưa được hoàn, xử lý tiền chậm nộp, xử phạt vi phạm hành chính khi khai bổ sung, sửa đổi tờ khai hải quan

Nội dung này thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan liên quan thuộc Bộ Tài chính, vì vậy, đề nghị Cục Hải quan, Cục Thuế và Vụ Chính sách thuế, phí và lệ phí căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình và ý kiến về xác định gỗ nhập khẩu có nguồn gốc từ rừng trồng, gỗ khai thác từ rừng trồng trong nước chưa chế biến thành sản phẩm khác, gỗ sơ chế thông thường nêu trên có văn bản hướng dẫn thống nhất trong cả nước việc hoàn thuế GTGT đã nộp, sửa đổi tờ khai hải quan và xử lý tiền chậm nộp, xử phạt vi phạm hành chính đối với các lô hàng sửa đổi tờ khai hải quan, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp theo phản ánh của HAWA tại Văn bản số 183/KN-HAWA (có văn bản gửi kèm theo).

Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm trân trọng đề nghị Quý cơ quan quan tâm, hướng dẫn và chỉ đạo các cơ quan hải quan, thuế các địa phương thống nhất trong việc triển khai chính sách thuế GTGT đối với mặt hàng gỗ theo đúng quy định để sớm tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TTr Nguyễn Quốc Trị (để báo cáo);
- PCT. Phạm Hồng Lượng (để báo cáo);
- HAWA; VIFOREST;
- Phòng ĐTXLVPLN;
- Lưu: VT, SDR.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Văn Diện